

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN DU
TỈNH BẮC NINH**

Bản án HNGĐ sơ thẩm

Số: 18/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 27/3/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU**

V/v Tranh chấp về HN&GD

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Lưu; Bà Nguyễn Thị M

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Cẩm Vân- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 59/2024/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 15 ngày 17/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn Núi Đông, xã H1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị N có lời khai trình bày: Chị kết hôn với anh B năm 2002 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện Tiên Du. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình chồng vài tháng thì nhà chồng có cho vợ chồng ra ở riêng vì nhà chồng có nhà đất khác cho vợ chồng ở. Cuộc sống vợ chồng ổn định đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn một phần do kinh tế, một phần xuất phát từ cách cư xử của anh B. Anh B làm nghề tự do (thợ cơ khí) mỗi tháng cũng chỉ đưa cho vợ vài ba triệu còn không quan tâm chị lo cuộc sống gia đình chăm sóc con cái như thế nào. Ngoài ra, anh B suốt ngày bia rượu rồi đêm hôm về nhà mở nhạc âm ỉ (mở loa to hết cỡ tầm 12 giờ đêm) chị nhắc nhở thì chửi bới chị thậm tệ. Nhiều lúc không có lý do gì nhưng cứ nửa đêm anh B lại chửi chị nên cuộc sống dần trở nên rất căng thẳng. Mọi người trong gia đình chồng (mẹ chồng, các em chồng) biết chuyện có khuyên bảo anh B nhưng rồi anh B lại đầu vào đó, thậm chí mọi người khuyên thì anh B tuyên bố không ở được với chị nữa. Nhiều năm qua cuộc sống gia đình rất căng thẳng. Con lớn hiện đã trưởng thành nhiều khi ham chơi và anh B bực lên lại chửi bới chị. Vì phải lo toan kinh tế gia đình chị phải làm ca kíp 12h đồng hồ/01 ngày (từ 08h

sang đến 08h tối) nhưng tôi không được ngủ mà phải liên tục nghe chồng chửi bới nên tinh thần chị luôn bị áp lực và rất mệt mỏi. Hơn năm nay anh chị sống cùng nhà nhưng ly thân. Cuộc sống vợ chồng hoàn toàn nguội lạnh không còn tình cảm. Đến nay chị đã suy nghĩ rất nhiều và không thể tiếp tục chịu đựng được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung: Nguyễn Văn M, sinh ngày 16/10/2002; Nguyễn Văn D, sinh ngày 08/07/2010.

Con lớn đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Vợ chồng ly hôn thực tâm chị muốn anh B nuôi cháu D vì cháu đang học cấp 2 cần có chỗ ở ổn định còn nếu ly hôn xong chị ra đi tay trắng không có nhà cửa phải thuê trọ ở tuy nhiên quá trình tòa án giải quyết anh B luôn vắng mặt không có lý do nên đến nay chị xin tiếp tục được nuôi dưỡng cháu D.

Về công việc chị làm công nhân tại KCN Visip với mức lương khoảng 06 triệu đồng/01 tháng. Chị chăm lo được cho cháu D nên về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết;

Tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết;

Phía bị đơn Tòa án đã giao thông báo nhiều lần, các thông báo của Tòa án đã được Công an xã H1 giao cho anh B; anh B biết rõ việc Tòa án đang giải quyết nhưng anh B luôn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai, không công bố chứng cứ và hòa giải được giữa anh chị.

Tại phiên tòa Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt hai lần không có lý do nên phiên tòa tiếp tục xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du đã phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt tại quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa không có lý do nên chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đại diện VKS nhân dân huyện Tiên Du đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N. Chị N được ly hôn anh B.

Về con chung: Cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 16/10/2002 đã trưởng thành không giải quyết; Giao cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 08/07/2010 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

Việc cấp dưỡng nuôi con không đề cập giải quyết;

Anh B được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

Tài sản chung, công nợ chung, công sức: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị N làm đơn khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Văn B, anh chị đều có HKTT và đều đang cư trú tại thôn Núi Đông, xã H1, huyện Tiên Du nên xét việc Tòa án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý và giải quyết vụ án là hoàn toàn đúng thẩm quyền theo quy định;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo hợp lệ đến anh B nhưng anh luôn vắng mặt không có lý do. Ngày 19/02/2025 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Công an xã H1, huyện Tiên Du đã giao Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và xác định mọi giấy tờ, thông báo của Tòa án gửi về giao cho anh B tuy nhiên anh B vẫn vắng mặt. Lần vắng mặt tại phiên tòa lần này là lần thứ hai nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2]. *Về nội dung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn B kết hôn năm 2002. Anh chị có đăng ký kết hôn, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn;

[2.1]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thì thấy: Cuộc sống vợ chồng chị thực sự xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị trình bày là do kinh tế và chủ yếu là xuất phát từ cách cư xử của anh B. Anh B không những không có ý thức chăm lo kinh tế gia đình còn suốt ngày rượu chè đêm hôm về nhà nhạc mớ ầm ĩ, khi bị nhắc nhở thì lại chửi bới vợ thậm tệ khiến cuộc sống của chị ngày càng trở lên căng thẳng. Chị làm 12h đồng hồ/01 ngày nhưng tối không ngủ được do chồng liên tục chửi bới hành hạ về tinh thần khiến chị rất áp lực, mệt mỏi.

Anh B biết rõ việc Tòa án huyện Tiên Du thụ lý giải quyết nhưng luôn cố tình vắng mặt trong quá trình làm việc cũng như phiên tòa nên xác định anh tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Việc anh B bỏ mặc không tham gia, không có bất kỳ văn bản trình bày nào phản hồi ý kiến của anh trong quá trình Tòa án giải quyết thể hiện rõ anh B không có ý định níu kéo duy trì hôn nhân với chị N. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị là có thực. Mức độ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình xét thấy cần chấp nhận đơn ly hôn của chị N, xử cho chị được ly hôn anh B là phù hợp.

[2.2]. *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung:

Cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 16/10/2002 đến nay đã trưởng thành nên không giải quyết;

Cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 08/07/2010. Chị N đề nghị được tiếp tục chăm lo cho cháu D. Cháu D có quan điểm nếu bố mẹ ly hôn tùy bố mẹ muốn cháu ở với ai cũng được.

Xét, chị N có công việc thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm lo được cho con. Anh B không đến làm việc tại Tòa án nên về công việc và thu nhập của anh không

làm rõ được; Xét thấy, từ điều kiện hoàn cảnh của anh B và chị N cần giao cháu D cho chị N nuôi sau khi anh chị ly hôn là phù hợp;

Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không đề cập giải quyết;

Anh B được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật;

[2.3] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn B;

[3] Về con chung: Giao con Nguyễn Văn D, sinh ngày 08/07/2010 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

Việc cấp dưỡng nuôi con không đề cập giải quyết;

Anh B được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật;

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002609 ngày 20/11/2024 của Chi cục thi hành án huyện Tiên Du.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Tiên Du;
- THADS huyện Tiên Du;
- UBND xã HI;
- Đương sự.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Hằng